

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 815/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – TP HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18/7/2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý sơ thẩm số 06/TB-TLVA ngày 03/01/2019 về việc tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 6.01 Khối B, chung cư H– T, đường G, khu phố X, phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Ngọc S, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: 6.01 Khối B, chung cư H– T, đường G, khu phố X, phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Hoàng Ngọc S, tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2010 có tổ chức cưới hỏi, và đăng ký kết hôn ngày 07/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp, nay chị T xác định tình cảm với anh S không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Tên Hoàng Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/8/2010; sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị T tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

Bị đơn anh Hoàng Ngọc S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Tên Hoàng Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/8/2010; anh S đồng ý giao cho chị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Anh S khai không có

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định; bị đơn không chấp hành tốt các quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; đồng thời đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng của chị T đối với anh S, do trong quá trình giải quyết vụ án chị T rút lại yêu cầu không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyền số I/2010 ngày 07/6/2010; giấy khai sinh tên Hoàng Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/8/2010; hộ khẩu, căn cước nhân dân, chứng minh nhân dân của chị T, anh S.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Hôn nhân của chị T và anh S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; chị T và anh S có 01 con chung tên Hoàng Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/8/2010.

Các nội dung đương sự thống nhất được: Chị T và anh S thuận tình ly hôn; giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh S không cấp dưỡng nuôi con

Các nội dung đương sự không thống nhất được: Do anh S vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn anh Hoàng Ngọc S cư trú tại 6.01 Khối B, chung cư Hiệp Bình Phước – Tam Bình, đường Gò Dưa, khu phố 4, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức; nên thẩm quyền giải quyết vụ án Hôn nhân và Gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018; chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Ngọc S, thì vụ án có quan hệ tranh

chấp là tranh chấp về ly hôn; là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn anh Hoàng Ngọc S, sau khi thụ lý vụ án Tòa án triệu tập anh S đến tòa để giải quyết việc kiện của chị Thanh. Ngày 10/01/2019 anh S có đến tòa làm bản tự khai. Đồng thời triệu tập anh S đến tòa để tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/01/2019 nhưng anh S không đến; Tòa án tiếp tục triệu tập anh S đến tòa để tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/6/2019 anh S có đến tòa, nhưng tự ý bỏ về không có lý do. Ngày 27/6/2019, Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng anh S không đến; sau khi thảo luận Hội đồng xét xử tiến hành thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay, nhưng anh S vẫn không đến tòa, để tham gia phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Tại phiên tòa chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Ngọc S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn được chị T trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Tại bản tự khai ngày 10/01/2019 anh S đồng ý ly hôn với chị Thanh. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Tên Hoàng Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/8/2010; chị T yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh S cũng đồng ý là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng của chị T đối với anh S.

[2.4]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự nếu có tranh chấp về tài sản chung bằng một vụ án khác.

[2.5]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng chị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Ngọc S.

2. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Hoàng Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/8/2010 cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu anh Hoàng Ngọc S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị T phải chịu phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0023337 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

8. Quyền yêu cầu thi hành án: “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (2)
- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Công Tình